

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
GERUCO SÔNG CÔN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco sông Côn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Côn, được thành lập theo biên bản thỏa thuận ngày 03 tháng 09 năm 2004 giữa Tổng Công ty Cao Su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) và Tổng Công ty Xây dựng Miền Trung. Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3303070093 ngày 22 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật, cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 4000407699 và địa chỉ giao dịch của Công ty.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ giao dịch : Số 314, đường 2/9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 02363 735 214
- Fax : 02363 735 215
- Website : gscpower.vn
- Email : gscpower@gscpower.com.vn

Hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:

- Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng các công trình cầu cống, kỹ thuật hạ tầng;
- Xây dựng các đô thị và khu công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- Thi công các công trình xây dựng, thoát nước;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu;
- Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (bao gồm rác thải không độc hại, độc hại);
- Tái chế phế liệu;
- Trồng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác (chỉ khai thác khi được cấp phép);
- Khai thác quặng kim loại, đất, đá, cát, sỏi, đất sét và các loại khoáng sản khác (trừ khoáng sản cấm)./.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2019 (Trước đó là thành viên từ ngày 03 tháng 10 năm 2015)
Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2019
Ông Huỳnh Kim Nhựt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Ông Hồ Diên Đắc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2018
Ông Trần Quang Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2018
Ông Đỗ Trung Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kiều Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2015
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2018
Ông Dương Văn Khen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quang Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Hòa - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Quang Hòa

Ngày 14 tháng 02 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số:2.0071/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 11 tháng 8 năm 2018 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 28 tháng 01 năm 2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Dung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.981.464.036	48.475.863.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.710.274.814	20.565.578.869
1. Tiền	111		21.710.274.814	7.065.578.869
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	13.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.393.799.701	23.283.485.067
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.777.634.589	18.777.659.924
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	696.691.000	732.441.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.919.474.112	3.773.384.143
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.418.598.699	3.101.222.327
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.418.598.699	3.101.222.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.458.790.822	1.525.577.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	443.658.711	315.133.963
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		164.782.989	164.782.989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	850.349.122	1.045.660.133
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		699.349.748.848	715.206.921.154
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		556.306.584.281	596.069.049.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	556.306.584.281	596.069.049.557
Nguyên giá	222		1.032.196.685.804	1.031.569.377.132
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(475.890.101.523)	(435.500.327.575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
Nguyên giá	228		57.568.000	57.568.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.568.000)	(57.568.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	106.764.908.633	83.596.249.715
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		106.764.908.633	83.596.249.715
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.947.827.493	16.947.827.493
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	16.947.827.493	16.947.827.493
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.330.428.441	18.593.794.389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	19.330.428.441	18.593.794.389
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		758.331.212.884	763.682.784.502

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		304.796.135.202	310.585.957.354
I. Nợ ngắn hạn	310		59.738.135.202	57.527.957.354
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.532.054.892	2.755.558.323
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.528.434.038	2.503.508.901
4. Phải trả người lao động	314		9.296.067.163	6.095.901.719
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	6.596.848.895	6.698.364.086
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	702.421.966	123.215.034
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	34.085.113.509	38.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	997.194.739	1.351.409.291
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		245.058.000.000	253.058.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	245.058.000.000	253.058.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		453.535.077.682	453.096.827.148
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	453.535.077.682	453.096.827.148
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		374.920.000.000	374.920.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		374.920.000.000	374.920.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.792.211.404	1.792.211.404
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.822.866.278	76.384.615.744
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		74.727.615.744	76.384.615.744
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.095.250.534	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		758.331.212.884	763.682.784.502

Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Xuân Duy

Võ Minh Tân

Trần Quang Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Dung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123.627.910.741	129.107.820.056
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123.627.910.741	129.107.820.056
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	94.656.595.650	85.379.629.327
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.971.315.091	43.728.190.729
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.906.272.290	1.425.386.331
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.928.262.102	30.868.125.975
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.259.587.486	28.917.376.743
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.974.354.504	12.234.523.225
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.974.970.775	2.050.927.860
11. Thu nhập khác	31	VI.6	315.590.770	33.890.802
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		315.590.770	33.890.802
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.290.561.545	2.084.818.662
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	195.311.011	132.186.791
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.095.250.534	1.952.631.871
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	56	8
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	56	8

Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Duy



Võ Minh Tân



Trần Quang Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		137.886.434.352	196.534.287.930
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(19.388.209.571)	(17.196.480.255)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.770.050.540)	(20.863.516.261)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(27.446.047.296)	(29.051.471.682)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	-	(2.981.358.483)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		229.787.813	2.543.514.441
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28.427.029.620)	(54.479.372.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.084.885.138	74.505.603.338
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(24.441.284.918)	(2.032.750.198)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	415.982.216	1.425.386.331
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.025.302.702)	(607.363.867)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Dung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15a	49.685.608.364	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15a	(61.600.494.855)	(88.760.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.914.886.491)	(88.760.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.144.695.945	(14.861.760.529)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.565.578.869	35.427.339.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	21.710.274.814	20.565.578.869

Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Trần Xuân Duy

Kế toán trưởng

Võ Minh Tân

Tổng Giám đốc



Trần Quang Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất và kinh doanh điện năng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất và kinh doanh điện năng; Tư vấn đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công các công trình xây dựng cấp thoát nước; Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu; Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (bao gồm rác thải không độc hại, độc hại); Tái chế phế liệu; Trồng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác (chỉ khai thác khi được cấp phép); Khai thác quặng kim loại, đất, đá, cát, sỏi, đất sét và các loại khoáng sản khác (trừ khoáng sản cấm)/.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh có trụ sở chính tại Thị trấn ĐăkGLei, Huyện Đăk Glei, Kon Tum. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 25,8%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 97 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 98 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập khi Công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại Công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại Công ty liên kết. Nếu Công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí khác

Các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều năm tài chính (Khai thông nạo vét lòng hồ thủy điện, khai thông thượng hạ lưu khu vực nhà máy, Chi phí giải phóng mặt bằng, lập Phương án phòng chống lũ lụt) được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	15 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 10
Tài sản cố định khác	08 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Dung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm điện

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	82.996.872	36.595.009
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.627.277.942	7.028.983.860
Các khoản tương đương tiền	-	13.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	13.500.000.000
Cộng	21.710.274.814	20.565.578.869

2. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3893000083 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2007. Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 thuộc văn bản số 02B/NQ-VRGNL ngày 16/01/2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh thì Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn sẽ đầu tư 25,8% vốn điều lệ. Số tiền đã đầu tư đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 16.947.827.493 VND, số đầu năm là 16.947.827.493 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với các Công ty liên doanh, liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.777.634.589	18.777.659.924
Công ty Mua Bán Điện	16.777.634.589	18.696.959.924
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thịnh An	-	80.700.000
Cộng	16.777.634.589	18.777.659.924

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	696.691.000	732.441.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1	516.476.000	516.476.000
Chi đoàn Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn	141.965.000	141.965.000
Các nhà cung cấp khác	38.250.000	74.000.000
Cộng	696.691.000	732.441.000

5. Phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	14.919.474.112	-	3.773.384.143	-
Tạm ứng	321.134.286	-	361.979.143	-
Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	-	-
Công ty mua bán điện (EPTC) – thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	3.340.405.000	-
Các khoản phải thu cán bộ công nhân viên	23.049.752	-	21.000.000	-
Chi đoàn Công ty Cổ phần thủy điện Geruco Sông Côn	50.000.000	-	50.000.000	-
Tổng công ty Bảo hiểm Tín dụng và Xuất khẩu Trung Quốc	14.490.290.074	-	-	-
Cộng	14.919.474.112	-	3.773.384.143	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.714.206.590	-	2.377.530.218	-
Công cụ, dụng cụ	704.392.109	-	723.692.109	-
Cộng	3.418.598.699	-	3.101.222.327	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	105.000.000	-
Chi phí bảo hiểm công trình	309.528.849	310.133.963
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.129.862	5.000.000
Cộng	443.658.711	315.133.963

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	959.142.081	1.594.962.480
Chi phí sửa chữa tài sản	6.938.162.888	4.973.290.240
Phí trả nợ trước hạn, tái cơ cấu nợ vay ⁽ⁱ⁾	7.513.848.037	8.489.222.653
Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng NMSC2	3.126.994.813	3.536.319.016
Chi phí trả trước dài hạn khác	792.280.622	-
Cộng	19.330.428.441	18.593.794.389

- (i) Thực hiện theo Quyết định số 19.15/QĐ-HĐQTGSC ngày 27 tháng 10 năm 2015 về việc phê duyệt phí trả nợ trước hạn khoản vay Ngân hàng BNP Paribas thông qua Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Phí trả nợ trước hạn được phân bổ vào chi phí tài chính hàng năm tương ứng với thời gian vay của khoản vay tái cơ cấu tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng (xem thuyết minh số V.15b) phù hợp với Chế độ Kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đùng, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	701.482.002.079	231.635.787.857	97.357.417.143	1.094.170.053	1.031.569.377.132
Mua trong năm	-	-	882.171.819	-	882.171.819
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.070.296.839	-	-	-	1.070.296.839
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.325.159.986)	-	(1.325.159.986)
Số cuối năm	702.552.298.918	231.635.787.857	96.914.428.976	1.094.170.053	1.032.196.685.804

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

	-	3.041.450.235	3.834.221.811	332.371.455	7.208.043.501
	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm

Khấu hao trong năm

Thanh lý, nhượng bán

Số cuối năm

	222.930.421.860	160.074.057.591	51.841.318.237	654.529.887	435.500.327.575
	23.597.301.458	13.439.751.264	4.575.690.724	102.190.488	41.714.933.934
	-	-	(1.325.159.986)	-	(1.325.159.986)
Số cuối năm	246.527.723.318	173.513.808.855	55.091.848.975	756.720.375	475.890.101.523

Giá trị còn lại

Số đầu năm

Số cuối năm

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

	478.551.580.219	71.561.730.266	45.516.098.906	439.640.166	596.069.049.557
Số cuối năm	456.024.575.600	58.121.979.002	41.822.580.001	337.449.678	556.306.584.281

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm văn phòng, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Trình bày chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trở lên trong tổng giá trị xây dựng cơ bản.

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	886.901.819	(882.171.819)	(4.730.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	83.596.249.715	24.167.746.285	(999.087.367)	-	106.764.908.633
- Dự án Thủy điện Sông Nam Sông Bắc	75.778.099.588	23.168.658.918	-	-	98.946.758.506
- Dự án Thủy điện Sông Hương Luông Đông	3.121.939.255	-	-	-	3.121.939.255
- Dự án cấp nước thành phố Đà Nẵng	4.696.210.872	-	-	-	4.696.210.872
- Xây dựng tường chắn taluy âm K2+900 đường QL VH	-	468.421.374	(468.421.374)	-	-
- Xây dựng tường chắn taluy âm K5+100 đường QL VH	-	530.665.993	(530.665.993)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.875.542.181	(71.209.472)	(2.804.332.709)	-
- Sửa chữa, nâng cấp nhà điều hành và nhà ở tập thể	-	2.875.542.181	(71.209.472)	(2.804.332.709)	-
Cộng	83.596.249.715	27.930.190.285	(1.952.468.658)	(2.809.062.709)	106.764.908.633

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.532.054.892	2.755.558.323
Công ty TNHH Phát triển năng lượng Đà Nẵng	1.745.129.317	1.745.129.317
Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật công nghệ	121.190.000	121.190.000
Lữ đoàn Công binh 25	171.106.079	171.106.079
Công ty Điện lực Quảng Nam	191.984.676	-
Các nhà cung cấp khác	302.644.820	718.132.927
Cộng	2.532.054.892	2.755.558.323

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	417.130.745	-	10.352.564.377	(9.064.860.100)	1.704.835.022	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.045.660.133	195.311.011	-	-	850.349.122
Thuế thu nhập cá nhân	24.340.656	-	186.024.595	(204.239.977)	6.125.274	-
Thuế tài nguyên	1.118.935.426	-	12.448.373.302	(11.808.808.726)	1.758.500.002	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	943.102.074	-	4.884.301.260	(3.768.429.594)	2.058.973.740	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	2.503.591.000	(2.503.591.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	2.503.508.901	1.045.660.133	30.574.165.545	(27.353.929.397)	5.528.434.038	850.349.122

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính, Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động thủy điện với thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi nhà máy thủy điện Sông Côn đi vào hoạt động có doanh thu và được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2019 là năm thứ mười một Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thủy điện.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.290.561.545	2.084.818.662
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	668.886.374	457.244.744
- Các khoản điều chỉnh tăng	668.886.374	457.244.744
Thu nhập chịu thuế	2.959.447.919	2.542.063.406
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	63.118.154	6.778.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi	264.385.715	250.817.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(132.192.857)	(125.408.630)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	195.311.011	132.186.791

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Dung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.596.848.895	6.698.364.086
Chi phí lãi vay phải trả	6.511.887.703	6.698.364.086
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	84.961.192	-
Cộng	6.596.848.895	6.698.364.086

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	702.421.966	123.215.034
Phải trả phí tư vấn hoàn phí bảo hiểm tín dụng	693.300.000	-
Kinh phí công đoàn	379.591	4.288.700
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	30.477.293
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	742.375	742.375
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.000.000	87.706.666
Cộng	702.421.966	123.215.034

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả</i>	34.085.113.509	-	38.000.000.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga				
- Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	26.085.113.509	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	8.000.000.000	-	38.000.000.000	-
Cộng	34.085.113.509	-	38.000.000.000	-

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng số 1784/2015/HĐTD ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn với mục đích bổ sung vốn lưu động ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với mức dư nợ tối đa là 40.000.000.000 VND, thời hạn rút vốn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký kết. Tài sản đảm bảo: gồm tất cả quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng và lợi ích bên vay đối với toàn bộ tài sản thuộc Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 (Nhà máy thủy điện bậc 1; Nhà máy thủy điện bậc 2; Nhà máy thủy điện Sông Côn 2; Giá trị: 712.300.000.000 VND và toàn bộ quyền đòi nợ từ hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	-	38.000.000.000	38.000.000.000
Số tiền vay phát sinh	49.685.608.364	-	49.685.608.364
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(23.600.494.855)	(38.000.000.000)	(61.600.494.855)
Số cuối năm	26.085.113.509	8.000.000.000	34.085.113.509

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga theo Hợp đồng tín dụng số 960/2015/HĐTD ngày 09 tháng 11 năm 2015 giữa Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn với mục đích tái cấu trúc cơ cấu tài chính doanh nghiệp, tổng số tiền cho vay 358.058.000.000 VND, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo: gồm tất cả quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng và lợi ích bên vay đối với toàn bộ tài sản thuộc Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 (Nhà máy thủy điện bậc 1; Nhà máy thủy điện bậc 2; Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 và toàn bộ quyền đòi nợ từ hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	8.000.000.000	38.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	245.058.000.000	253.058.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	253.058.000.000	291.058.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng như sau:

Số đầu năm	253.058.000.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(8.000.000.000)
Số cuối năm	245.058.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	533.259.891	1.657.000.000	(1.740.685.600)	449.574.291
Quỹ phúc lợi	818.149.400	-	(270.528.952)	547.620.448
Cộng	1.351.409.291	1.657.000.000	(2.011.214.552)	997.194.739

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	374.920.000.000	1.792.211.404	81.193.983.873	457.906.195.277
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.952.631.871	1.952.631.871
Trích lập các quỹ	-	-	(6.762.000.000)	(6.762.000.000)
Số dư cuối năm trước	374.920.000.000	1.792.211.404	76.384.615.744	453.096.827.148
Số dư đầu năm nay	374.920.000.000	1.792.211.404	76.384.615.744	453.096.827.148
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.095.250.534	2.095.250.534
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.657.000.000)	(1.657.000.000)
Số dư cuối năm	374.920.000.000	1.792.211.404	76.822.866.278	453.535.077.682

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	191.250.000.000	191.250.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú Riềng	57.000.000.000	57.000.000.000
Tổ chức và cá nhân khác	69.670.000.000	69.670.000.000
Cộng	374.920.000.000	374.920.000.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.492.000	37.492.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	37.492.000	37.492.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.492.000	37.492.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm điện	123.622.456.195	129.107.820.056
Doanh thu khác	5.454.546	-
Cộng	123.627.910.741	129.107.820.056

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn thành phẩm điện đã bán trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	415.982.216	1.425.386.331
Doanh thu tiền bảo hiểm tín dụng	14.490.290.074	-
Cộng	14.906.272.290	1.425.386.331

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.259.587.486	28.917.376.743
Phân bổ chi phí cơ cấu lại khoản vay	975.374.616	1.950.749.232
Chi phí bảo hiểm tín dụng	693.300.000	-
Cộng	28.928.262.102	30.868.125.975

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.397.957.832	8.058.820.143
Chi phí vật liệu quản lý	305.844.877	192.708.885
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.252.812	155.752.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.090.908	9.086.035
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.557.791.059	1.608.527.108
Các chi phí khác	2.577.417.016	2.205.628.943
Cộng	12.974.354.504	12.234.523.225

6. Thu nhập khác

Là lãi thanh lý tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.095.250.534	1.952.631.871
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.657.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.095.250.534	295.631.871
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	37.492.000	37.492.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	56	8

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 52 VND xuống thành 8 VND.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.545.830.403	24.742.985.653
Chi phí nhân công	26.950.330.117	3.359.115.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.714.933.934	41.608.840.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.765.096.159	7.516.956.394
Chi phí khác	29.654.759.541	20.386.254.587
Cộng	107.630.950.154	97.614.152.552

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ra Đung, xã Zơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.104.204.695 VND (cùng kỳ năm trước là 1.338.989.882 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú Riềng	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Duy

Võ Minh Tân

Trần Quang Hòa